

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10-AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2025

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo;

2. Ông Liêu Văn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Lan A, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt); Cư trú: khóm Hòa Phú 2, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Nay là Hòa Phú 2, xã An Châu, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Hữu T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cư trú: khóm Hòa Phú 2, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nay là Hòa Phú 2, xã An Châu, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Lan A trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, chị và anh Ngô Hữu T quyết định chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C (nay là xã A), An Giang vào

ngày 16/8/2017. Sau khi kết hôn chị về sống chung với ba mẹ chồng. Cuộc sống gia đình hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T gia trưởng, chỉ lo ăn chơi nên kinh tế gia đình không ổn định, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi, không còn êm ấm. Anh còn đánh đập chị thường xuyên, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T không đến năn nỉ để hàn gắn vợ chồng. Cha mẹ hai bên có gặp nhau để động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Ngô Thị Thảo V, sinh ngày 18/8/2014 và Ngô Thanh T1, sinh ngày 14/8/2019. Hiệu cháu V đang sống cùng chị, cháu T1 đang sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, đồng ý giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, các bên không cần cấp dưỡng cho nhau.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn anh Ngô Hữu T:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lan A.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lan A: Có đơn xin vắng mặt;

- Bị đơn anh T: Vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 10-An Giang** phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, giải quyết cho chị Lan A được ly hôn với anh Ngô Hữu T; về con chung: giao cháu Thảo V cho chị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con, do không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm: Chị Lan A phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Chị Ngô Thị Lan A và anh Ngô Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là xã A) nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị Lan A yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T đăng ký thường trú tại xã A, tỉnh An

Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngô Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị Lan A xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Lan A yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Lan A và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai người, nhưng bị đơn anh T đều không đến. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh T không có mặt tại nhà. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị Lan A đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị Lan A.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Lan A và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Lan A là được ly hôn với anh Ngô Hữu T.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Lan A thừa nhận giữa chị và anh T có 02 con chung tên Ngô Thị Thảo V, sinh ngày 18/8/2014 và Ngô Thanh T1, sinh ngày 14/8/2019. Mặt khác, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận các cháu nêu trên là con chung của chị Lan A và anh T. Hiện cháu V đang sống với mẹ, cháu T1 sống với ba. Khi ly hôn, chị Lan A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành, đồng ý giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, cháu V đã sống với mẹ, cháu T1 sống với ba. Hơn nữa, tại bản tự khai của cháu V thể hiện nguyện vọng là muốn tiếp tục được sống với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn. Hơn nữa, cháu V là con gái nên giao cháu cho mẹ quan tâm, chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Lan A là giao cháu V cho chị Lan A được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lan A và anh Hữu T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Chị Lan A và anh Ngô Hữu T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Ngô Thị Lan A có yêu cầu ly hôn với anh Ngô Hữu T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

*- Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị Lan A. Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Lan A đối với anh Ngô Hữu T.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Ngô Thị Thảo V, sinh ngày 18/8/2014 và Ngô Thanh T1, sinh ngày 14/8/2019 là con chung của chị Ngô Thị Lan A và anh Ngô Hữu T;

+ Tiếp tục giao cháu Ngô Thị Thảo V cho chị Ngô Thị Lan A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh Ngô Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu;

+ Tiếp tục giao cháu Ngô Thanh T1 cho anh Ngô Hữu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; chị Lan A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu;

+ Chị Ngô Thị Lan A và anh Ngô Hữu T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở các bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Lan A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008215 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang (cũ) (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - An Giang), được khấu trừ nên chị Lan A đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Lan A và anh Ngô Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Kv 10;
- THADS Kv 10;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Mỹ Linh**



